# Câu 1: Hãy trình bày về quyền tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong luật sở hữu trí tuệ

1. Điều 5.A.1.1: Quyền tự bảo vệ (Điều 198, Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)
   1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:
      1. Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
      2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại.
      3. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Chương này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
      4. Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
   2. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Phần nàyvà các quy định khác của pháp luật có liên quan.
   3. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp dân sự quy định tại Điều 5.A.2.1 của Phần nàyvà các biện pháp hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.
2. Điều 5.A.1.2: Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 199, Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)
   1. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác thì tuỳ theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự.
   2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của Phần này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

# Câu 2: Hãy trình bày về các hành vi gian lận thường gặp trong thương mại điện tử.

Tính từ đầu năm đến nay, chỉ số phát triển của các sàn TMĐT không ngừng tăng, đồng thời cũng phát sinh nhiều vấn đề tiêu cực trong hoạt động này. Chỉ tính trong tháng 7 đầu năm 2020, các cơ quan chức năng kiểm tra 2.403 vụ, đã phát hiện và xử lý 2.213 vụ vi phạm, xử phạt hành chính 16,3 tỷ đồng, giá trị hàng hóa vi phạm hơn 40 tỷ đồng.

Theo ông Trần Hữu Linh -Tổng cục trưởng Tổng cục QLTT, hàng hóa vi phạm trong kinh doanh TMĐT đa phần là hàng không có hóa đơn chứng từ, hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc, hàng xâm phạm sở hữu trí tuệ.

Kinh doanh hàng giả, hàng nhái, gian lận thương mại về TMĐT gần đây diễn ra phổ biến và khó xử lý do đâu?

Cần áp dụng bắt buột quy định chủ sàn TMĐT phải lưu giữ thông tin các giao dịch về hàng hóa, từ đó thể hiện họ đã mua bán hàng hóa loại gì, nguồn gốc, chất lượng ra sao. Mục đích là để cơ quan chức năng dễ kiểm tra đồng thời làm tăng trách nhiệm của người kinh doanh.

Hiện tại, các cơ quan chúc năng vẫn thường xuyên kiểm tra tài khoản người bán, đăng tải nội dung thông tin kinh doanh hàng hóa. Song thực tế, rất nhiều người kinh doanh có nhiều tài khoản trên các sàn TMĐT luôn trong chế độ “ngụp lặn”, sẵn sàng xóa dấu vết rất nhanh khi bị phát hiện gian lận.

Ông Hà Trung Cang - Phó Cục trưởng Cục QLTT TP. Hồ Chí Minh - cho biết, thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2020 và kiểm tra đột xuất, các Đội QLTT đã kiểm tra, xử lý 19 vụ vi phạm lập website TMĐT, thu giữ hàng trăm nghìn sản phẩm hàng hóa. Hàng hóa vi phạm là hàng hóa tiêu dùng như, đồng hồ, mắt kính giày dép, quần áo, mỹ phẩm, trang sức, hàng điện tử…bán qua online.

**Từ buôn bán tem, nhãn, bao bì giả; giả mạo thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để tham gia hoạt động thương mại điện tử; hàng hóa gắn nhãn tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả; sản xuất hàng hóa gắn nhãn hàng hóa giả mạo tên thương nhân, địa chỉ của thương nhân khác; sử dụng dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu trên biển hiệu, trên phương tiện kinh doanh…là hành vi gian lận bị phát hiện trên không gian TMĐT.**

# Câu 3: Tổng hợp những hành vi bị cấm hoạt động thương mại điện tử.

1. Vi phạm về hoạt động kinh doanh thương mại điện tử:
   1. Tổ chức mạng lưới kinh doanh, tiếp thị cho dịch vụ thương mại điện tử, trong đó mỗi người tham gia phải đóng một khoản tiền ban đầu để mua dịch vụ và được nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc vận động người khác tham gia mạng lưới.
   2. Lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để kinh doanh hàng giả, hàng hóa, dịch vụ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh.
   3. Lợi dụng danh nghĩa hoạt động kinh doanh thương mại điện tử để huy động vốn trái phép từ các thương nhân, tổ chức, cá nhân khác.
   4. Cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử hoặc dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng thực trong thương mại điện tử khi chưa đăng ký hoặc chưa được cấp phép theo các quy định của Nghị định này.
   5. Cung cấp các dịch vụ thương mại điện tử hoặc dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng thực trong thương mại điện tử không đúng với thông tin trong hồ sơ đăng ký hoặc cấp phép.
   6. Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin sai sự thật khi thực hiện các thủ tục thông báo thiết lập website thương mại điện tử, đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, đăng ký hoặc xin cấp phép các dịch vụ giám sát, đánh giá và chứng thực trong thương mại điện tử.
2. Vi phạm về thông tin trên website thương mại điện tử
   1. Giả mạo thông tin đăng ký hoặc không tuân thủ các quy định về hình thức, quy cách công bố thông tin đăng ký trên website thương mại điện tử;
   2. Sử dụng biểu trưng của các chương trình đánh giá tín nhiệm website hoạt động thương mại điện tử khi chưa được những chương trình này công nhận;
   3. Sử dụng các đường dẫn, biểu trưng hoặc công nghệ khác trên website thương mại điện tử để gây nhầm lẫn về mối liên hệ với thương nhân, tổ chức, cá nhân khác;
   4. Sử dụng đường dẫn để cung cấp những thông tin trái ngược hoặc sai lệch so với thông tin được công bố tại khu vực website có gắn đường dẫn này.
3. Vi phạm về giao dịch trên website thương mại điện tử
   1. Thực hiện các hành vi lừa đảo khách hàng trên website thương mại điện tử;
   2. Giả mạo thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để tham gia hoạt động thương mại điện tử;
   3. Can thiệp vào hệ điều hành và trình duyệt Internet tại các thiết bị điện tử truy cập vào website nhằm buộc khách hàng lưu lại website trái với ý muốn của mình.
4. Các vi phạm bị cấm trong hoạt động thương mại điện tử khác
   1. Đánh cắp, sử dụng, tiết lộ, chuyển nhượng, bán các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác hoặc thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
   2. Giả mạo hoặc sao chép giao diện website thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức, cá nhân khác để kiếm lợi hoặc để gây nhầm lẫn, gây mất lòng tin của khách hàng đối với thương nhân, tổ chức, cá nhân đó.